

DI CƯ VÌ HÔN NHÂN CỦA PHỤ NỮ VIỆT NAM SANG CÁC NƯỚC ĐÔNG Á

CHU THUYẾT NGÀ^(*)
và LÊ THU^(**)

Hôn nhân quốc tế là một xu thế bình thường trong quá trình toàn cầu hoá. Những biến đổi về nhân khẩu và xã hội ở một số nước phát triển hơn trong khu vực làm nảy sinh nhu cầu về một thị trường hôn nhân, thu hút dòng nhập cư lớn từ các nước khác. Ngày càng có nhiều đàn ông Đông Á lấy vợ ngoại quốc. Vào cuối những năm 2000, số cuộc hôn nhân với cô dâu ngoại quốc chiếm 15% số cuộc hôn nhân ở Đài Loan, 8% ở Hàn Quốc và 6% ở Nhật Bản. Số cô dâu ngoại quốc đến từ Cộng hòa nhân dân Trung Hoa chiếm tỷ lệ lớn nhất ở những nước này. Phụ nữ Việt Nam chiếm tỷ lệ thứ hai ở Hàn Quốc và Đài Loan và phụ nữ Philippines cũng chiếm tỷ lệ thứ hai ở Nhật Bản.

Trong một thập kỷ qua, hiện tượng phụ nữ Việt Nam kết hôn với người nước ngoài, chủ yếu là với nam giới Đài Loan và Hàn Quốc, và sau đó di cư sang các nước đó đã thu hút được sự quan tâm của xã hội cũng như chính phủ của cả nơi đi và nơi đến. Hôn nhân với nam giới ở một số nước phát triển hơn được một số phụ nữ Việt Nam nhìn nhận như một cơ hội tốt để nâng cao chất lượng

cuộc sống, cải thiện địa vị xã hội của mình và mở rộng tầm mắt. Ở cả nơi đi và nơi đến, những phụ nữ này cũng như cuộc hôn nhân của họ thường bị nhìn nhận một cách tiêu cực. Tuy nhiên, nghiên cứu về chủ đề này còn khá hiếm vì tính nhạy cảm cũng như sự phức tạp của quá trình thu thập số liệu. Vì vậy, cho đến nay những thông tin về những cuộc hôn nhân giữa phụ nữ Việt Nam với nam giới các nước Đông Á chủ yếu là từ báo chí với một số câu chuyện đơn lẻ.

Dự án nghiên cứu “Di cư quốc tế của phụ nữ Việt Nam sang các nước Đông Á” do Viện Nghiên cứu Phát triển Xã hội (ISDS) và trường Đại học Western Ontario (Canada) phối hợp thực hiện từ tháng 7/2007 đến tháng 6/2011, nhằm nghiên cứu việc di cư của phụ nữ (và nam giới) Việt Nam sang các nước châu Á qua con đường lao động và kết hôn tạo ra các cơ hội và gây ra tổn thương cho người di cư, gia đình họ và cộng đồng như thế nào. Trong khuôn khổ có hạn của bài viết này, trên cơ sở các kết quả

^(*) và ^(**) ThS., Ban Thời sự, Đài Tiếng nói Việt Nam.

nghiên cứu của Dự án, các tác giả nêu lên một số vấn đề cần xem xét.

Hôn nhân với phụ nữ ngoại quốc ở Đông Á đang tăng nhanh

Nhật Bản, Hàn Quốc và Đài Loan, nơi mà một số đàn ông khó lấy vợ trong nước, ngày càng có nhiều cô dâu ngoại quốc. Trong những năm gần đây, kiểu di cư qua kết hôn này đã phát triển nhanh chóng. Một số nước phát triển ở Đông Á, điển hình là Nhật Bản, Hàn Quốc và Đài Loan, đạt nhiều kỷ lục về mặt nhân khẩu học: tỷ lệ sinh rất thấp, dân số già đi nhanh chóng và tỷ lệ nữ độc thân cao. Tuy nhiên, có một xu hướng mới đang làm thay đổi những nước này: đó là hiện tượng nhập cư gia tăng. Năm 2008, 1/2 trong tổng số 214 triệu người di cư quốc tế sống ở châu Á, trong đó bao gồm 15 triệu người ở Đông Á. Ở khu vực này, một tỷ lệ khá lớn người nhập cư là phụ nữ di cư theo diện hôn nhân. Ở các nước như Hàn Quốc, Đài Loan và Nhật Bản, những nước vốn không khuyến khích nhập cư, những người phụ nữ này tạo thành một nhóm người nhập cư mới lớn nhất, không tính đến những người ngoại quốc nhập cư tạm thời để lao động. Phần lớn số người nhập cư này đến từ Trung Quốc, Indonesia, Phillippines và Việt Nam. Ở những nước này, họ được gọi là “cô dâu ngoại quốc” trong nhóm số liệu thống kê về người nước ngoài.

Từ đầu những năm 1990, số đàn ông độc thân Đông Á tìm vợ ngoại quốc ngày càng tăng. Ở Đài Loan, số cuộc hôn nhân với phụ nữ ngoại quốc tăng từ vài nghìn mỗi năm giai đoạn đầu những năm 1990 lên gần 50 nghìn cuộc hôn nhân vào năm 2003. Số lượng cuộc hôn nhân quốc tế cũng tăng tương tự ở Hàn

Quốc, lên gần 30 nghìn cuộc hôn nhân năm 2005, chiếm 10% tổng số cuộc hôn nhân của nước này. Mặc dù đã giảm trong mấy năm gần đây, nhưng số cuộc hôn nhân này vẫn chiếm một tỷ lệ không nhỏ (15% ở Đài Loan năm 2009 và 8% ở Hàn Quốc). Việc hôn nhân quốc tế giảm ở Đài Loan là do các giải pháp của Chính phủ nhằm kiểm soát chặt chẽ hơn những cuộc hôn nhân vốn được cho là quá nhiều. Ở Nhật Bản, việc kết hôn với phụ nữ ngoại quốc bắt đầu từ những năm 1980 và đạt tỷ lệ 5% - 6% tổng số cuộc hôn nhân vào khoảng giữa những năm 2000. Tuy nhiên, việc này rõ ràng không còn là một hiện tượng nhỏ nữa, mà đang làm thay đổi bộ mặt của các nước này.

Tại Đài Loan, Hàn Quốc và Nhật Bản, có số lượng lớn cô dâu ngoại quốc đến từ Cộng hòa nhân dân Trung Hoa. Trong số những phụ nữ này, những người lấy chồng Hàn Quốc chủ yếu là có nguồn gốc Hàn Quốc. Những phụ nữ lấy chồng Đài Loan đều đã có thể nói được ngôn ngữ chính thức của nước này. Đó là tiếng nói Trung Quốc phổ thông. Đây chính là một tài sản giúp họ có thể hoà nhập dễ dàng với gia đình nhà chồng. Ở Hàn Quốc và Đài Loan, phụ nữ Việt Nam là nhóm cô dâu ngoại quốc chiếm số lượng lớn thứ hai. Những cô dâu Việt Nam này thường còn trẻ, độc thân trong khi cô dâu ngoại quốc người Trung Quốc thường là những phụ nữ đã ly dị và không thể tái hôn ở Trung Quốc. Ở Hàn Quốc, trung bình tuổi vợ là người Việt Nam và chồng người Hàn Quốc cách nhau 17 tuổi trong khi vợ người Trung Quốc và chồng người Hàn Quốc cách nhau 7 tuổi. Lúc đầu, thường chỉ những người đàn ông nông thôn nghèo mới lấy vợ nước ngoài, nhưng bây giờ cả những người đàn ông

thành thị thuộc tầng lớp trung bình cũng có nhu cầu tìm vợ ngoại quốc.

Nguyên nhân và hệ lụy

Việc phải tìm vợ ngoại quốc một phần bắt nguồn từ những khó khăn mà đàn ông gặp phải khi tìm vợ trong nước. Thế nhưng năm 2005, 1/6 phụ nữ ở độ tuổi từ 35 đến 39 ở cả Nhật Bản và Đài Loan vẫn độc thân. Phụ nữ ngày càng học cao hơn và nhiều người có được sự chủ động về kinh tế. Đồng thời, mối quan hệ giữa hai giới và sự phân công lao động trong gia đình giữa vợ và chồng hầu như không thay đổi và vẫn còn thiếu biện pháp giúp đỡ những bà mẹ đi làm. Phụ nữ buộc phải chọn hoặc là công việc hoặc là kết hôn và làm mẹ. Ngày càng nhiều người không chấp nhận vai trò người vợ truyền thống: họ muốn tiếp tục đi làm và vì vậy chọn sống độc thân. Việc thay đổi nhận thức như vậy đã dẫn đến sự thiếu hụt nghiêm trọng phụ nữ trên thị trường hôn nhân. Về phía mình, đàn ông phải chịu trách nhiệm nối dõi tông đường bằng cách đẻ con trai và trong nhiều trường hợp cũng phải chăm sóc cha mẹ già. Áp lực xã hội mạnh đến nỗi họ khó có thể sống độc thân và không sinh con. Vì vậy, khi gia đình hết hy vọng con trai mình có thể lấy vợ trong nước thì họ buộc phải chọn cô dâu ngoại quốc.

Tỷ lệ bé trai sinh ra ở Hàn Quốc tăng vào những năm 1980 và 1990 do việc phá thai lựa chọn giới tính ngày càng tăng. Tuy nhiên, khác với nhiều người nghĩ, việc thiếu hụt bé gái chỉ đóng vai trò rất nhỏ trong hiện tượng lấy “vợ ngoại”. Trên thực tế thì đàn ông lấy vợ ngoại trong khoảng thời gian từ 1995 đến 2010 không thuộc thế hệ bị ảnh hưởng bởi sự thiếu hụt nữ giới. Họ

là những người ở độ tuổi từ 35-40, năm 2005, sinh vào khoảng những năm 1965-1970, khi mà tỷ số chênh lệch giới tính vẫn bình thường. Tuy nhiên, đối với thế hệ nam giới sinh vào những năm 1980 và đặc biệt là vào những năm 1990, đó là khoảng thời gian có tỷ lệ giới tính khi sinh giữa bé trai và bé gái chênh lệch lớn, thì hiện tượng cô dâu ngoại có lẽ còn mạnh mẽ hơn khi họ bước vào thị trường hôn nhân.

Mạng lưới gia đình và các công ty môi giới - Buôn bán cô dâu hay di cư tự nguyện?

Khi những cuộc hôn nhân đầu tiên theo kiểu này diễn ra thì gia đình và bạn bè của cô dâu, người mà đã định cư ở nước đến, sẽ khác những người phụ nữ khác trong gia đình di cư. Thường thì, những phụ nữ “tiên phong” di cư để kết hôn sẽ đóng vai trò làm người môi giới và tìm chồng cho em gái hoặc bạn mình, những người mà sau đó cũng di cư. Tuy nhiên, mạng lưới gia đình và xã hội chỉ đóng vai trò nhỏ so với các công ty môi giới ở cả nước đến và nước đi. Những công ty này đã đóng vai trò lớn trong việc làm gia tăng nhanh chóng số lượng các cuộc hôn nhân xuyên quốc gia này và tất nhiên là việc di cư cũng tăng theo. Các công ty này nắm rõ các thủ tục kết hôn với phụ nữ nước ngoài và giúp họ nhập cư nhanh chóng vào nước của chồng. Họ có thể lo hết mọi nghi lễ và thu xếp vấn đề tài chính, do đó khách hàng rất cần đến họ. Họ là những công ty tư nhân và quảng cáo khắp nơi: trên truyền hình, báo và trên đường phố. Một đài truyền hình Đài Loan liên tục chiếu hình ảnh các cô gái “sẵn sàng” kết hôn. Cũng nhờ có những quảng cáo tràn lan khắp nơi này mà đàn ông có thể dễ dàng tiếp cận với thị trường hôn nhân quốc tế.

Các công ty môi giới quốc tế thường cung cấp chương trình trọn gói cho đàn ông đến các nước “cung cấp” cô dâu, và vì vậy có thể giúp họ, trong khoảng 7 đến 10 ngày, chọn được vợ và bắt đầu các nghi lễ kết hôn. Sau đó, chú rể trở về nhà và sau vài tháng, khi công ty môi giới hoàn tất các thủ tục nhập cư, cô dâu có thể đoàn tụ với người chồng mới cưới. Gia đình nhà chồng phải chi khoảng từ 6 nghìn USD đến 12 nghìn USD. Ở Việt Nam, cô dâu tương lai cũng phải trả tiền cho những dịch vụ này; người môi giới ở địa phương hợp tác với các công ty môi giới của Hàn Quốc và Đài Loan cũng tính phí các cô dâu từ 1 nghìn USD đến 3 nghìn USD.

Một số người cho rằng việc di cư theo diện kết hôn này là một hình thức buôn bán người. Phụ nữ hoặc bị coi là nạn nhân của nạn buôn người hoặc là những kẻ cơ hội muốn tận dụng cơ hội hôn nhân để định cư ở nước ngoài. Những tranh luận gay gắt về vấn đề này ở Đài Loan và Hàn Quốc đã khiến Chính phủ các nước này phải thông qua các luật mới. Ở Đài Loan, chỉ những công ty phi lợi nhuận mới được hoạt động hợp pháp, trong khi ở Hàn Quốc Chính phủ đã áp dụng hệ thống kiểm soát mới, yêu cầu các công ty môi giới phải có giấy phép hoạt động.

Cần lưu ý rằng những cuộc hôn nhân này diễn ra ở những nước mà hôn nhân sắp đặt và giao dịch tài chính giữa các gia đình liên quan đến hôn nhân, như đòi hỏi của hồi môn hay “thách cưới”, từ lâu đã là một truyền thống. Những tập tục này hiện vẫn được xã hội chấp nhận, cho dù không còn phổ biến như trước nữa đối với các thế hệ trẻ ở một số nước. Tuy nhiên, hôn nhân giữa hai người lạ, do một công ty môi giới sắp

xếp, khác với cuộc hôn nhân sắp đặt giữa hai gia đình. Đối với cuộc hôn nhân sắp đặt giữa hai gia đình thì các gia đình gặp gỡ nhau và thể hiện sự nhất trí với cuộc hôn nhân và cuộc hôn nhân này phải phù hợp với các chuẩn mực xã hội của họ. Hai vợ chồng thường có hoàn cảnh xã hội và địa lý giống nhau hoặc tương tự nhau.

Phần lớn cô dâu Việt di cư tự đồng ý kết hôn, chứ không phải do áp lực từ phía cha mẹ. Họ thường có hai mục đích: kết hôn và di cư. Mục đích của họ không phải là thực hiện một hợp đồng hôn nhân mà là với hai mục đích. Cũng giống như hầu hết những người nhập cư đến từ các nước đang phát triển, cô dâu ngoại quốc hy vọng rằng bằng hình thức di cư họ có thể giúp đỡ về mặt tài chính cho gia đình ở quê hương và cải thiện đời sống của bản thân. Chồng và gia đình nhà chồng thì mong muốn họ nhanh chóng sinh con và chỉ ở nhà làm việc nội trợ. Hơn nữa, trong nhiều trường hợp, người chồng còn muốn họ phải chăm sóc cha mẹ đã già. Do vậy, đôi khi mâu thuẫn và thậm chí cả bạo lực gia đình xảy ra và kết cục là ly dị và người vợ trở về quê hương.

Dân số ngày càng đa dạng

Việc nhập cư của các cô dâu ngoại quốc đã khiến xã hội ngày càng đa dạng hơn. Hầu hết những người đã xin được quốc tịch của nước họ di cư đến là cô dâu/chú rể ngoại quốc, và trong đó phần lớn là cô dâu ngoại quốc. Ở Đài Loan, 98% trong tổng số hơn 13 nghìn người được nhập tịch là vợ hoặc chồng của công dân Đài Loan, trong đó, 4/5 người nhập tịch là cô dâu ngoại quốc đến từ Việt Nam. Ước tính có khoảng 110 nghìn phụ nữ Việt Nam lấy chồng Đài

Loan và 15 nghìn người lấy chồng Hàn Quốc trong một thập kỷ qua.

Ngay cả những đứa trẻ sinh ra từ các cuộc hôn nhân xuyên quốc gia cũng thu hút sự chú ý của cả giới chính trị và giới nghiên cứu, bởi chúng liên quan tới việc điều chỉnh chính sách, các dịch vụ xã hội hiện có nhằm phục vụ nhu cầu của những đứa trẻ này. Cũng năm 2008, 1/10 số trẻ được sinh ra ở Đài Loan là con của bà mẹ ngoại quốc. Tình trạng này trái ngược với hệ tư tưởng về sự thuần khiết dân tộc và quốc gia, vốn rất phổ biến ở Đông Á. Vì vậy, những cô dâu ngoại quốc có thể bị phân biệt đối xử và bị loại khỏi thị trường lao động cũng như các hoạt động cộng đồng.

Ở Đông Á, tỷ lệ người ngoại quốc được nhập quốc tịch vẫn thấp hơn so với các nước phát triển khác. Năm 2007, công dân có nguồn gốc nước ngoài chiếm 1,7% dân số ở Nhật, 2,8% dân số Hàn Quốc. Tuy nhiên, con số này đang tăng và việc này tạo ra thách thức lớn đối với các nước có người nhập cư. Hiện tượng cô dâu ngoại quốc là một trong những vấn đề nhập cư quan trọng nhất ở khu vực này và có thể gây ra nhiều hậu quả nghiêm trọng về mặt nhân khẩu và xã hội học.

Lúc đầu, chính phủ các nước có người nhập cư ủng hộ các cuộc hôn nhân với cô dâu ngoại quốc, coi đây là một cách duy trì tăng trưởng dân số ở các vùng nông thôn, những nơi mà đàn ông khó lấy vợ. Họ cũng rất trông chờ vào việc tỷ lệ sinh sẽ tăng theo. Theo quan điểm của họ thì hiện tượng này là một vấn đề xã hội chứ không phải là vấn đề nhập cư. Ở Hàn Quốc, một số thành phố còn đưa ra các chính sách hỗ trợ tài chính cho các gia đình muốn con trai lấy

vợ ngoại quốc. Người ta mong đợi rằng khi những cô dâu ngoại quốc đã có mối quan hệ gần gũi với nước họ nhập cư đến thông qua hôn nhân thì họ sẽ nhanh chóng hòa nhập xã hội. Kết quả các nghiên cứu gần đây cho thấy khi cô dâu ngoại quốc thực sự gặp khó khăn thì các nước có cô dâu nhập cư đã đầu tư vào các chương trình hòa nhập (dạy ngôn ngữ và văn hóa). Họ còn cấp kinh phí cho các tổ chức phi chính phủ và các cơ quan chính phủ để cung cấp dịch vụ cho những cô dâu này cũng như như chỗ ở cho những nạn nhân bị bạo hành gia đình. Tuy nhiên, những năm về sau, số lượng cô dâu ngoại tăng cao kéo theo nhiều vấn đề xã hội đã khiến chính phủ các nước Nhật Bản, Đài Loan, Hàn Quốc dần có những thay đổi trong chính sách dành cho cô dâu ngoại quốc.

Tuy nhiên, nhiều nghiên cứu đã chỉ ra rằng, hôn nhân với nam giới ở một số nước phát triển hơn được một số phụ nữ Việt Nam nhìn nhận như một cơ hội tốt để nâng cao chất lượng sống, cải thiện địa vị xã hội của mình và mở rộng tầm mắt.

Kết quả điều tra từ 250 gia đình có con lấy chồng ngoại quốc, tại huyện Thốt Nốt (Cần Thơ) cho thấy trong năm 2007, 93% gia đình đã nhận được tiền gửi về từ phụ nữ di cư theo diện hôn nhân. Trong đó gần 60% gia đình ước tính là số tiền gửi về chiếm bằng hoặc lớn hơn 50% tổng thu nhập của họ. Hơn 90% gia đình khẳng định mục tiêu chính của cuộc hôn nhân với người nước ngoài của con gái họ là để giúp đỡ gia đình. Cụ thể trong một năm hơn 25% phụ nữ lấy chồng nước ngoài gửi về cho gia đình từ 1,2 nghìn đến 3 nghìn USD, hơn 17% gửi về nhà số tiền từ 3 nghìn USD trở lên. Như vậy, cô dâu di cư Việt

Nam có đóng góp tài chính quan trọng cho gia đình cha mẹ ruột. Ghi nhận những đóng góp trên là bước quan trọng để tiến đến việc coi những những người phụ nữ này là những người di cư có quyền riêng của họ chứ không chỉ hạn chế ở khái niệm “cô dâu ngoại quốc”.

* * *

Như vậy, có thể nói, hôn nhân với người nước ngoài là một xu thế tất yếu trong bối cảnh toàn cầu hoá hiện nay. Không thể duy ý chí trong việc muốn hay không muốn có hiện tượng kết hôn với người nước ngoài. Đây là một vấn đề bình thường trong quá trình phát triển, giao lưu và hội nhập kinh tế, văn hoá. Điều quan trọng là, làm thế nào để giảm thiểu những rủi ro cho những phụ nữ kết hôn với người nước ngoài, để cô dâu ngoại quốc nói chung, cô dâu người Việt nói riêng có thể hoà nhập với quê hương mới. Vì vậy, với Việt Nam, chúng ta cần tăng cường vai trò, trách nhiệm của các đoàn thể, tổ chức xã hội, trong đó đặc biệt là vai trò của Hội Phụ nữ, Đoàn Thanh niên, các cơ quan tư pháp...

Thực tế, hôn nhân với người nước ngoài những năm gần đây ở nước ta thường đến với các cô gái từ các vùng nông thôn, vùng sâu vùng xa, học vấn

thấp, ít hiểu biết. Vì thế, không thể bỏ mặc các cô gái ra đi làm dâu xứ người với hai bàn tay trắng, chỉ với ước mơ đổi đời. Cần chuẩn bị cho các cô dâu Việt hành trang thật tốt để đi làm dâu xứ người. Cần có những thông tin đầy đủ và chính xác về người chồng tương lai, về gia cảnh người chồng, về địa phương mà các cô dâu Việt sẽ đến sinh sống với vai trò người vợ, người con dâu trong gia đình sẽ góp phần giúp các em và gia đình cân nhắc trước khi quyết định lấy chồng nước nào, ở đâu cho phù hợp với mình. Bên cạnh đó, các cô dâu Việt cần tìm hiểu về Luật pháp, phong tục, tập quán, học tiếng của các vùng, miền của nước sẽ đến làm dâu.

Chỉ có như vậy, chúng ta mới góp phần làm giảm thiểu những rủi ro đối với các em gái lấy chồng nước ngoài và xây dựng được những cuộc hôn nhân có yếu tố nước ngoài có được hạnh phúc. Đó cũng là điều quan trọng mà dư luận xã hội cần hướng tới. Ngoài những trang bị ở nước sở tại, tại nước cô dâu đến nhập cư cũng cần có sự quan tâm, giúp đỡ để cô dâu Việt nhanh chóng hoà nhập vào gia đình, cộng đồng nơi cô dâu đến sinh sống. Có như vậy, những cuộc hôn nhân xuyên biên giới mới có thêm những “điểm tựa” hạnh phúc.